

CHÍNH PHỦ  
Số: 71/2007/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 3 tháng 5 năm 2007

## NGHỊ ĐỊNH

### Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin và công nghiệp công nghệ thông tin

## CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 06 năm 2006;  
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông,

## NGHỊ ĐỊNH:

### Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin, các biện pháp bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin trên lãnh thổ Việt Nam.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm phần mềm là phần mềm và tài liệu kèm theo được sản xuất và được thể hiện hay lưu trữ ở bất kỳ một dạng vật thể nào, có thể được mua bán hoặc chuyển giao cho đối tượng khác khai thác, sử dụng.

2. Phần mềm hệ thống là phần mềm dùng để tổ chức và duy trì hoạt động của một hệ thống hoặc một thiết bị số (sau đây gọi chung là thiết bị số). Phần mềm hệ thống có thể tạo môi trường cho các phần mềm ứng dụng làm việc trên đó và luôn ở trạng thái làm việc khi thiết bị số hoạt động.

3. Phần mềm ứng dụng là phần mềm được phát triển và cài đặt trên một môi trường nhất định, nhằm thực hiện những công việc, những tác nghiệp cụ thể.

4. Phần mềm tiện ích là phần mềm nhằm trợ giúp cho người dùng tổ chức, quản lý và duy trì hoạt động của thiết bị số.

5. Phần mềm công cụ là phần mềm được dùng làm công cụ để cho người phát triển phần mềm sử dụng, phát triển các phần mềm khác.

6. Phần mềm đóng gói là sản phẩm phần mềm hoàn chỉnh, được đăng ký thương hiệu và nhân bản hàng loạt để cung cấp ra thị trường.

7. Phần mềm sản xuất theo đơn đặt hàng là sản phẩm phần mềm được sản xuất theo các yêu cầu riêng của khách hàng hoặc người sử dụng.

8. Phần mềm nhúng là sản phẩm phần mềm được nhà sản xuất cài đặt sẵn vào thiết bị số và hoạt động cùng với thiết bị số mà không cần sự kích hoạt của người sử dụng.

9. Gia công phần mềm là hoạt động trong đó bên nhận gia công thực hiện việc sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phần mềm hoặc thực hiện một số công đoạn để hoàn thành sản phẩm, dịch vụ phần mềm theo yêu cầu của bên thuê gia công.

10. Dịch vụ phần mềm là hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, cài đặt, khai thác, sử dụng, nâng cấp, bảo hành, bảo trì phần mềm và các hoạt động tương tự khác liên quan đến phần mềm.

11. Sản phẩm nội dung thông tin số là sản phẩm nội dung, thông tin bao gồm văn bản, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh được thể hiện dưới dạng số, được lưu giữ, truyền đưa trên môi trường mạng.

12. Dịch vụ nội dung thông tin số là dịch vụ được cung cấp trên môi trường mạng hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, khai thác, phát hành, nâng cấp,

bảo hành, bảo trì sản phẩm nội dung thông tin số và các hoạt động tương tự khác liên quan đến nội dung thông tin số.

13. Thiết bị điện tử nghe nhìn là sản phẩm điện tử có khả năng ghi, thu, lưu trữ, truyền, phát, cung cấp thông tin bằng hình ảnh, âm thanh cho người dùng ở bất kể định dạng thông tin nào. Thiết bị điện tử nghe nhìn bao gồm các thiết bị tivi, đầu đĩa VCD, DVD, dàn âm thanh, máy nghe nhạc số, máy ảnh số, máy quay phim số.

14. Thiết bị điện tử gia dụng là thiết bị điện tử dùng trong các hoạt động của gia đình. Thiết bị điện tử gia dụng bao gồm thiết bị điều hoà không khí, tủ lạnh, máy giặt, máy hút bụi, lò vi sóng.

15. Thiết bị điện tử chuyên dùng là thiết bị điện tử sử dụng trong các chuyên ngành cụ thể. Thiết bị điện tử chuyên dùng bao gồm thiết bị đo lường, tự động hoá, trang thiết bị y tế, sinh học và các ngành khác.

16. Thiết bị thông tin - viễn thông, đa phương tiện bao gồm các thiết bị tổng đài, truyền dẫn, đầu cuối mạng, cáp quang, cáp thông tin, thiết bị thông tin vệ tinh, thiết bị truyền dẫn - phát sóng.

#### **Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin**

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

2. Xây dựng, ban hành, tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin.

3. Xây dựng, ban hành quy định về tiêu chuẩn, chất lượng áp dụng trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin; quản lý an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin.

4. Cấp, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy chứng nhận, chứng chỉ về công nghiệp công nghệ thông tin.

5. Hợp tác quốc tế về công nghiệp công nghệ thông tin.

6. Quản lý đầu tư trong hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

7. Quản lý và phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp công nghệ thông tin.

8. Tổ chức quản lý, sử dụng tài nguyên, cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp công nghệ thông tin.
9. Quản lý, thực hiện báo cáo thống kê công nghiệp công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.
10. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại; tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin.
11. Huy động cơ sở hạ tầng thông tin và thiết bị công nghiệp công nghệ thông tin phục vụ quốc phòng, an ninh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin

1. Bộ Bưu chính, Viễn thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin.
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Bưu chính, Viễn thông trong việc quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin.
3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin trong phạm vi địa phương theo quy định của Chính phủ.

Sở Bưu chính, Viễn thông là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin tại địa phương.

**Điều 6.** Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin

Nhà nước có chính sách và biện pháp đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin với các nước, các tổ chức quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi, phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật và thông lệ quốc tế nhằm phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, góp

phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế.

**Điều 7.** Nội dung hợp tác quốc tế trong hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin

1. Tuyên truyền quảng bá định hướng chiến lược, chính sách phát triển công nghiệp công nghệ thông tin với các nước, các tổ chức quốc tế.
2. Thiết lập, phát triển quan hệ hợp tác trong hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin.
3. Tham gia các tổ chức quốc tế về công nghiệp công nghệ thông tin.
4. Hợp tác, hỗ trợ và thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực về công nghiệp công nghệ thông tin.
5. Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tiên tiến.
6. Trao đổi thông tin, kinh nghiệm phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.
7. Xây dựng và thực hiện chương trình, dự án quốc tế về công nghiệp công nghệ thông tin.

## **Chương II**

### **HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

#### **Mục 1**

#### **LOẠI HÌNH CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**Điều 8.** Hoạt động công nghiệp phần cứng

1. Hoạt động công nghiệp phần cứng bao gồm các loại hình thiết kế, chế tạo sản phẩm phần cứng; lắp ráp, gia công sản phẩm phần cứng; cung cấp dịch vụ công nghiệp phần cứng.
2. Sản phẩm phần cứng bao gồm các nhóm sản phẩm sau đây:
  - a) Máy tính, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi;
  - b) Điện tử nghe nhìn;
  - c) Điện tử gia dụng;
  - d) Điện tử chuyên dùng;
  - đ) Thông tin - viễn thông, thiết bị đa phương tiện;
  - e) Phụ tùng, linh kiện điện tử;